

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
CỬU LONG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học: 2023- 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	759	256	191	120	192
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	710 (93.54)	236 (92.19)	174 (91.10)	111 (92.50)	189 (98.44)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	46 (6.06)	19 (7.42)	16 (8.38)	8 (6.67)	3 (1.56)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.40)	1 (0.39)	1 (0.52)	1 (0.83)	
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	759	256	191	120	192
1	Giỏi /Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	241 (37.75)	72 (28.13)	50 (26.18)	35 (29.17)	84 (43.75)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	320 (42.16)	110 (42.97)	90 (47.12)	47 (39.17)	73 (38.02)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	183 (24.11)	69 (26.95)	45 (23.56)	34 (28.33)	35 (18.23)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	15 (1.98)	5 (1.95)	6 (3.14)	4 (3.33)	0
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả	759	256	191	120	192
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	754 (93.34)	256 (100)	188 (98.43)	118 (98.33)	192 (100)

a	Học xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	43 (5.67)	26 (10.16)	9 (4.71)	8 (6.67)	
b	Học sinh giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	152 (20.03)	47 (18.36)	41 (21.47)	27 (22.50)	84 (43.75)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	47 (6.19)				73 (38.02)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	73 (9.62)	5 (1.95)	6 (3.14)	4 (3.33)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	15 (1.98)		3 (1.57)	2 (1.67)	
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	9/28 (1.19/3.69)	1/19 (0.39/7.42)	2/6 (1.05/3.14)	3/2 (2.50/1.67)	3/1 (1.56/0.52)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	9 (1.19)	1 (0.39)	5 (2.62)	1 (0.83)	2 (1.04)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	46	11	3	5	27
1	Cấp huyện	46	11	3	5	27
2	Cấp tỉnh/thành phố				1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	192				192
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	192				192
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	84 (43.75)				84 (43.75)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	73 (38.02)				73 (38.02)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	35 (18.23)				35 (18.23)

VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	371/388	124/132	94/97	64/56	89/103
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	18	10	3	2	3

Bình Thạnh, ngày 12 tháng 08 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Diệu